

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/QĐST-VHNGĐ

Ngày: 06 /4/2018

V/v: “*Công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con chung*”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Như Xuân - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Nhân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên họp:
Ông Ngô Quang Chính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án thành phố Phan Thiết mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2018 về yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” theo Quyết định mở phiên họp số: 15/2018/QĐPH-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trương Thị Thái T1 – Sinh năm 1977 – Địa chỉ cư trú: Thôn X , xã P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn T –Sinh năm 1977- Địa chỉ cư trú: Số 304 Chung cư V, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà Trương Thị Thái T1 và ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án công nhận việc ông bà thuận tình ly hôn, đồng thời yêu cầu tòa án công nhận thỏa thuận việc nuôi con chung sau khi ly hôn cụ thể như sau: ông bà có 02 con chung tên: Nguyễn Trúc V – Sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Trung T2 – Sinh ngày 17/4/2009; Bà Trương Thị Thái T1 đồng ý giao con chung: Nguyễn Trung T2 – Sinh ngày 17/4/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Nguyễn Văn T đồng ý giao con chung Nguyễn Trúc V – Sinh ngày 20/10/2000 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Cả ông T và bà T1 đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát cũng đã đề nghị:

-Về thủ tục tố tụng: Việc ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thái T1 có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và công nhận thỏa thuận việc nuôi con chung, Tò án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 02 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

-Về nội dung yêu cầu của đương sự: mâu thuẫn vợ chồng bà T1, ông T sâu sắc, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu việc thuận tình ly hôn của ông T và bà T1.

Việc thỏa thuận việc nuôi con chung sau khi ly hôn của ông bà là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với điều kiện kinh tế, tài chính của cả ông và bà và nhu cầu thiết yếu của các cháu nên đề nghị Tòa án chấp nhận; Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án thành phố Phan Thiết nhận định:

Bà Trương Thị Thái T1 và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/98 ngày 26/12/1998. Quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cuộc sống chung không hòa hợp, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Tại phiên họp, Thẩm phán đã tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng bà T1, ông T vẫn yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T1, ông T sâu sắc, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu việc thuận tình ly hôn của ông T và bà T1.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên: Nguyễn Trúc V – Sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Trung T – Sinh ngày 17/4/2009, tại phiên họp ông T và bà T1 thỏa thuận việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau: bà T1 đồng ý giao con chung: Nguyễn Trung T – Sinh ngày 17/4/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu T; Ông T cũng đồng ý giao con chung Nguyễn Trúc V – Sinh ngày 20/10/2000 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng theo

nguyện vọng của cháu V; Cả ông T và bà T1 đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Xét thấy thỏa thuận của ông bà về việc nuôi con chung đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục và con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, do vậy Tòa án chấp nhận thỏa thuận việc nuôi con chung của ông bà sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: do ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 02 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 213, Điều 361, Điều 367, Điều 370, 371 Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 01 Điều 51, Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 01 điều 04, điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu của các đương sự như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thái T1 thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Ông bà có 02 con chung tên: Nguyễn Trúc V – Sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Trung T – Sinh ngày 17/4/2009, ông T và bà T1 thỏa thuận việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Bà Trương Thị Thái T1 đồng ý giao con chung: Nguyễn Trung T – Sinh ngày 17/4/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng;

Ông Nguyễn Văn T đồng ý giao con chung Nguyễn Trúc V – Sinh ngày 20/10/2000 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng;

Cả ông T và bà T1 đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Ông Nguyễn văn T và bà Trương Thị Thái T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông bà không không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2/ Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Thái T1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0020467 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P; Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.PT;
- Chi cục THADS TP.PT;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Như Xuân